

Số: 19/2024/QĐST-DS

Cẩm Thủy, ngày 21 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 13 tháng 6 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 40/2023/TLST- DS ngày 20 tháng 12 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V

Trụ sở: Số H L, phường L, quận Đ, TP Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Tổ chức kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của Ngân hàng TMCP V: Công ty Cổ phần M; địa chỉ: Tầng A Tòa nhà V, số I D, phường D, Quận C, Thành Phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Công T – Chức danh: Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Cao Duy T1, chức vụ: Trưởng phòng xử lý nợ Miền bắc. Ông T1 uỷ quyền lại cho ông Nguyễn Thế T2 – Chuyên viên xử lý nợ; địa chỉ: Tầng C, Trung tâm thương mại T3, số B, Đại Lộ L, phường L, thành phố T (Văn bản uỷ quyền số 485/2024/UQ ngày 08/4/2024).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1958; bà Phạm Thị H1, sinh năm 1959; Địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

Bà Nguyễn Thị H2 uỷ quyền cho ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1958; địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa (văn bản uỷ quyền ngày 24/5/2024).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Nguyễn Văn H và bà Phạm Thị H1 có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần M số nợ tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 13/6/2024 là: 2.238.365.865 đồng (Hai tỷ, hai trăm ba mươi tám triệu, ba trăm sáu mươi lăm nghìn, tám trăm sáu mươi lăm đồng). Trong đó, số tiền nợ gốc là 1.922.843.027 đồng; nợ lãi trong hạn là 290.717.166 đồng; lãi quá hạn là 15.470.888 đồng, lãi phạt là 9.334.784 đồng.

Về thời gian và phương thức thanh toán: Vào ngày 13/7/2024, ông Nguyễn Văn H, bà Phạm Thị H1 sẽ trả toàn bộ số tiền gốc và tiền lãi là 2.238.365.865 đồng (Hai tỷ, hai trăm ba mươi tám triệu, ba trăm sáu mươi lăm nghìn, tám trăm sáu mươi lăm đồng). Trong đó, số tiền nợ gốc là 1.922.843.027 đồng; nợ lãi trong hạn là 290.717.166 đồng; lãi quá hạn là 15.470.888 đồng, lãi phạt là 9.334.784 đồng và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 14/6/2024 cho đến khi thanh toán xong tất cả các khoản nợ theo lãi suất mà các bên đã thoả thuận theo Hợp đồng cho vay số LN2306019333332 ngày 05/6/2023.

Trong trường hợp ông Nguyễn Văn H, bà Phạm Thị H1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Công ty Cổ phần M thì Công ty Cổ phần M có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số LN2204125550217 ngày 20/4/2022; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 05/6/2023 đối với thửa đất số 435; tờ bản đồ số 23, bản đồ địa chính xã C đo đạc năm 2009, diện tích 1559m², địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Tài sản gắn liền với đất gồm: nhà riêng lẻ, diện tích xây dựng 115m², diện tích sàn: 115m², hạng nhà cấp IV (năm xây dựng 2016), theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CS02692, do sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 12/12/2021 cho ông Nguyễn Văn H và bà Phạm Thị H1.

Ông H, bà H1 được tháo dỡ các tài sản không thuộc trong hợp đồng thế chấp gồm: Nhà ở 01 tầng + bếp ở, mái lợp tole trần tole 51,15m²; 01 mái hiên lợp tole (trước nhà cấp IV) 71m²; 01 mái hiên trước nhà bếp lợp tole 33,58m²; 01 nhà vệ sinh, mái bê tông, cốt thép 8.5m²; 01 bán bình cạnh nhà vệ sinh 12,6m²; 01 bán bình sau bếp 14.28m²; 01 chuồng trại xây tường 43m²; 01 tường rào xây gạch bờ trụ 10.9m³; 01 tường rào xây gạch vồ không trát 2.64m³; 02 cổng trụ, mái ngói; 01 cổng sắt 7m²; sân trước nhà cấp IV lát gạch Hạ Long đỏ 71.1m²; sân bếp lát gạch hoa 71.85m².

Nếu tài sản thế chấp sau khi phát mại không đủ thì ông Nguyễn Văn H, bà Phạm Thị H1 còn tiếp tục phải thanh toán cho Công ty Cổ phần M số tiền còn

lại cho Công ty Cổ phần M.

Về án phí: Áp dụng khoản 3 điều 147 – BLTTDS, điểm b khoản 1 điều 24, khoản 6 điều 19 và khoản 7 điều 26, điểm đ khoản 1 và khoản 3 điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bên thỏa thuận ông Nguyễn Văn H và bà Phạm Thị H1 phải chịu cả án phí DSST là 38.383.658đ. Ông Nguyễn Văn H và bà Phạm Thị H1 là người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp án phí dân sự nên được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với phần án phí mà ông H và bà H1 được miễn là 19.191.829đ. Ông H và bà H1 phải chịu phần án phí nhận nộp cho Công ty M là 19.191.829đ.

Trả lại cho Tổ chức kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của Ngân hàng Thương Mại Cổ phần V là Công ty Cổ phần M toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 36.492.603đ theo biên lai thu số BLTU/23 ngày 19/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Thủy.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Cẩm Thủy;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vũ Thị Ánh Tuyết